

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dịu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Kho

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đào Thị T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn K1, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn K1, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 30 tháng 12 năm 2018 và bản khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Đào Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Văn T1 từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện K ngày 02 tháng 02 năm 2012 (Giấy chứng nhận kết hôn số 3). Đầu năm 2015 anh chị phát sinh

mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh T1 lười lao động, ham chơi cờ bạc, có biểu hiện quan hệ ngoại tình, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, giữa năm 2016 chị đã làm đơn xin ly hôn anh T1; quá trình giải quyết vụ án, được Thẩm phán Tòa án giải thích, phân tích nên chị đã rút yêu cầu ly hôn tạo điều kiện cho anh T1 thay đổi tính cách, vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung. Do đó Tòa án đã Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Thời gian đoàn tụ, anh T1 vẫn không thay đổi; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng và sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con là Nguyễn Thu T2, sinh ngày 07/10/ 2012; Nguyễn Quang Hải Đ, sinh ngày 17/5/2017, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo lời trình bày và yêu cầu của chị T; Tòa án đã xác minh, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với anh T1 nhưng anh T1 không đến Tòa án để trình bày lời khai; tham gia hòa giải; từ chối khai báo, vắng mặt không có lý do chính đáng. Sau đó Tòa án cùng chính quyền địa phương đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với anh T1 nhưng anh T1 vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên toàn bộ nội dung, yêu cầu nêu trên.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Anh T1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị T cho chị Đào Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu T2, sinh ngày 07/10/ 2012 và cháu Nguyễn Quang Hải Đ, sinh ngày 17/5/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T1 là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thao.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã H cung cấp thì hôn nhân của chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn T1 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T1 lười lao động, ham chơi, không chung thủy, vô trách nhiệm với vợ con. Năm 2016 chị T đã làm đơn xin ly hôn anh T1 tại Tòa án nhân dân huyện K; đang trong quá trình giải quyết, chị T xin rút toàn bộ yêu cầu. Tòa án đã quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 15/2016/QĐST-HNGĐ ngày 01/6/2016. Sau khi rút yêu cầu, thời gian chung sống trở lại, anh chị vẫn xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau và sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống gia đình. Do đó đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ

chấp nhận, nên xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Về nuôi con chung: Xét nguyện vọng của chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thu T2, sinh ngày 07/10/ 2012 và cháu Nguyễn Quang Hải Đ, sinh ngày 17/5/2017; không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của chị T cũng như chính quyền xã H cung cấp thì chị T làm nghề giáo viên, thu nhập trung bình 6.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng các cháu. Anh T1 không có nghề nghiệp, ham chơi, lười lao động, không có khả năng nuôi dưỡng các cháu. Do đó cần giao hai cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa. chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.
2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thu T2, sinh ngày 07/10/ 2012 và cháu Nguyễn Quang Hải Đ, sinh ngày 17/5/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi; hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012146 ngày 14 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã H;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu